

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN TRƯỚC TỐT NGHIỆP RA TRƯỜNG
NĂM HỌC 2020 - 2021**

TT	PHẦN NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN	Tỷ lệ %				TLĐGĐT
		Rất tốt	Tốt	Khá	TB	
	I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO					
1	Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các chuẩn đầu ra	47.89	45.07	5.63	1.41	92.96
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng ở mức nào với năng lực sinh viên khi tốt nghiệp	49.30	42.25	7.04	1.41	91.55
3	Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	54.93	35.21	8.45	1.41	90.14
4	Chương trình đào tạo được thiết kế, tạo điều kiện thuận lợi cho SV lựa chọn theo nhu cầu, nguyện vọng học tập	49.30	45.07	2.82	2.82	94.37
5	Các môn học trong chương trình đào tạo tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đã công bố	52.11	40.85	4.23	1.41	92.96
6	Mức độ gắn kết giữa các khối kiến thức và kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo	53.52	40.85	2.82	2.82	94.37
7	Sinh viên hiểu rõ được chuẩn đầu ra của ngành đào tạo về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được	56.34	40.85			97.19
	TLĐG LV					93.36
	II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN					
1	Trình độ chuyên môn của giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo	64.79	33.80	1.41		98.59
2	Phương pháp giảng dạy của giảng viên dễ hiểu, phù hợp với sinh viên	64.79	32.39	2.82		97.18
3	Giảng viên có hướng dẫn sinh viên tự học, sẵn sàng trao đổi về nội dung môn học với sinh viên	59.15	36.62	2.82	1.41	95.77
4	Việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và khả năng sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên	64.79	32.39	2.82		97.18
	TLĐG LV					97.18
	III. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO					

1	Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế học sinh viên và phương pháp kiểm tra đánh giá từ đầu khóa tới sinh viên.	61.97	36.62	1.41			98.59
2	Việc triển khai cho sinh viên đi thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan hợp lý khoa học đạt hiệu quả	64.79	33.80	1.41			98.59
3	Cán bộ, nhân viên các phòng/khoa/trung tâm có thái độ phục vụ sinh viên tận tình, thân thiện.	63.38	32.39	4.23			95.77
4	Các phòng chức năng giải quyết các thắc mắc kiến nghị của sinh viên, nhanh chóng, thuận lợi, thỏa mãn các yêu cầu	64.79	32.39	2.82	1.41		97.18
5	Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới SV theo đúng quy định.	59.15	38.03	1.41		1.41	97.18
6	Các chế độ chăm sóc sức khỏe, y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên.	59.15	38.03	1.41	1.41		97.18
7	Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả	56.34	33.80	4.23	1.41		90.14
8	Hoạt động của các tổ chức Đảng/Đoàn/Hội có hiệu quả, tác dụng tốt trong học tập và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống của sinh viên	60.56	38.03	1.41			98.59
9	Các thông tin về hoạt động đào tạo đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên trên website nhà trường.	57.75	40.85	1.41			98.6
10	Hàng năm, nhà trường tổ chức có hiệu quả các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường/ các tổ chức Đoàn/Hội sinh viên.	60.56	36.62	1.41			97.18
	TLĐG LV						96.90
	IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ						
1	Mức độ đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung môn học	60.56	38.03	1.41			98.59
2	Tổ chức thi, kiểm tra, chấm bài tập, thực tập, tiểu luận đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng	61.97	35.21	2.82			97.18
3	Các kế hoạch thi, kiểm tra được thông báo rõ ràng, kịp thời cho sinh viên	57.75	39.44	2.82			97.19
4	Kết quả học tập của SV được thông báo kịp thời tới SV	57.75	39.44	1.41	1.41		97.19
	V. CƠ SỞ VẬT CHẤT						97.54

1	Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe)	53.52	45.07	1.41			98.59
2	Trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học	52.11	45.07	2.82			97.18
3	Cơ sở vật chất ký túc xá đáp ứng tốt cho sinh viên nội trú	49.30	46.48	4.23			95.78
4	Cảnh quan vệ sinh môi trường sạch đẹp	50.70	46.48	2.82			97.18
5	Căng tin trong trường phục vụ tốt nhu cầu ăn uống của sinh viên	50.70	43.66	4.23	1.41		94.36
	TLĐG LV						96.62
	VI. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH						
1	Công tác thu - chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường được thực hiện công khai, rõ ràng, chính xác và thuận lợi cho sinh viên	49.30	47.89	1.41	1.41		97.19
2	Cán bộ, nhân viên trong phòng Kế hoạch – Tài chính có tinh thần và thái độ đúng mực, thân thiện trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên.	53.52	45.07	1.41			98.59
	TLĐG LV						97.89
	VII. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN VÀ KỸ THUẬT VIÊN CỦA TRƯỜNG						
1	Thái độ nghiêm túc, nhiệt tình và có trách nhiệm khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi đảm nhận	52.11	45.07	1.41	1.41		97.18
2	Thái độ phục vụ khi được yêu cầu giải quyết công việc thuộc phạm vi trách nhiệm (vui vẻ, thân thiện, nhiệt tình)	54.93	43.66	1.41			98.59
3	Quy trình giải quyết công việc đảm bảo tính khoa học, rõ ràng và đúng quy định	54.93	42.25	2.82			97.18
4	Giải quyết công việc nhanh chóng, kịp thời đảm bảo tốt yếu cầu nghiệp vụ	54.93	43.66	1.41			98.59
5	Luôn tạo điều kiện thuận lợi khi đến làm việc tại Phòng	56.34	42.25	1.41			98.59
6	Mức độ hài lòng của Sinh viên về đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên của Trường	53.52	43.66	1.41	1.41		97.18
	TLĐG LV						97.89
	VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KHÓA HỌC						